Trường TH& THCS Hiền Hào

Tổ: THCS

GV: Hà Quang Ái

**TIẾT 170- 172: ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN**

Môn Ngữ văn lớp 9

Thời gian thực hiện: 03 tiết

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững kiến thức về các kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, điều hành đã được học từ lớp 6 đến lớp 9.

- Đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã được học.

- Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Kế hoạch bài học; các kiểu VB, các phương thức biểu đạt ở lớp 6; ngữ liệu minh hoạ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Các yêu cầu chuẩn bị cho tiết tổng kết TLV đã nêu.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT  ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)**  **a) Mục tiêu:**     - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.    - Kích thích trí nhớ của HS về tên các kiểu văn bản(tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, điều hành) đã được học từ lớp 6 đến lớp 9  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:***- Trình bày miệng*  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *- Gv nêu nhiệm vụ: Em hãy kể tên các kiểu văn bản mà em đã được học từ lớp 6 đến lớp 9*  *- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  *- Học sinh trao đổi, thảo luận với bạn tìm câu trả lời*  *- Giáo viên q/s, theo dõi, đôn đốc hs*  *- Dự kiến sản phẩm:*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  *Đại diện các nhóm Hs b/cáo kq> GV và Hs khác lắng nghe*  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học …*  *->Giáo viên nêu mục tiêu bài học…*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC  MỚI**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về các kiểu văn bản đã học trong chương trình ngữ văn THCS:**  ***a) Mục tiêu:*** Nắm vững kiến thức về các kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, điều hành đã được học từ lớp 6 đến lớp 9.  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:**  *- Trình bày ra giấy*  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *- Giáo viên yêu cầu:*  *? Kể tên các kiểu văn bản đã học(Văn bản tự sự; Văn bản miêu tả; Văn bản biểu cảm; Văn bản thuyết minh; Văn bản nghị luận; Văn bản điều hành (hành chính, công vụ))*  *? Thảo luận nhóm: 6 nhóm tương ứng với 6 kiểu vb: Mỗi nhóm nêu đặc điểm của phương thức biểu đạt của các loại văn bản của nhóm mình?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  *- Học sinh thảo luận tìm ra câu trả lời*  *- Giáo viên q/s, hỗ trợ Hs làm việc*  *- Dự kiến sản phẩm:*  ***\*Báo cáo kết quả: Các nhóm lần lượt b/c KQ***  ***\*Đánh giá kết quả:***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức, cho Hs ghi bảng*  **a) Mục tiêu:** Xác định được sự khác nhau của các văn bản trên  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ***Gv****: Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau đựơc không? Vì sao?*  **Gv**: Hãy cho biết kiểu văn bản và thể loại tác phẩm văn học có gì giống và khác nhau?  **Gv**: Các phương thức biểu đạt trên có thể phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không? Vì sao?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( PHÚT)**  **a) Mục tiêu***:* Củng cố lại kiến thức đã học  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ***?****Hãy kể tên các thể loại văn học đã học.**Mỗi thể loại ấy đã sử dụng các phương thức biểu đạt nào?*  ***?****Tác phẩm văn học như thơ, truyện, kịch có khi nào sử dụng yếu tố nghị luận không? Cho ví dụ và cho biết yếu tố nghị luận đó có đặc điểm gì?*  ***?****Tác phẩm nghị luận có cần các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự không? Cần ở mức độ nào, vì sao?*  ***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh suy nghĩ, thảo luận*  *- Giáo viên q/s, định hướng*  *- Dự kiến sản phẩm:*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (02 PHÚT)**  **a) Mục tiêu*:*** Hs biết vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi  **b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.  **c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Giáo viên nêu yêu cầu: Hãy viết đoạn văn với chủ đề tự chọn trong đó sử dụng đồng thời 2- 3 yếu tố: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh..., sau đó hãy chỉ ra đâu là yếu tố chủ đạo của bài viết, các yếu tố kia có vai trò như thế nào trong đoạn văn đó?*  *- HS tiếp nhận, suy nghĩ, viết bài* | Các kiểu văn bản đã học: Văn bản tự sự; Văn bản miêu tả; Văn bản biểu cảm; Văn bản thuyết minh; Văn bản nghị luận; Văn bản điều hành (hành chính, công vụ)  **I. Các kiểu văn bản đã học trong chương trình ngữ văn THCS:**  **1. Tên các kiểu văn bản đã học**  - Văn bản tự sự  - Văn bản miêu tả  - Văn bản biểu cảm  - Văn bản thuyết minh  - Văn bản nghị luận  - Văn bản điều hành (hành chính, công vụ)  *Tự sự* trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết cuộc với mục đích biểu hiện con người, quy luật đời sống bày tỏ thái độ.  *Miêu tả* tái hiện tính chất, thuộc tính sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng.  *Biểu cảm*: bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người đối với con người, thiên nhiên, xã hội, sự vật.  *Thuyết minh* trình bày thuộc tính cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng để giúp người đọc có tri thức khách quan và thái độ đủng đắn đối với chúng.  *Nghị luận:* Trình bày tư tưởng, chủ trương, quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, con người qua các luận điểm, có luận cứ và lập luận thuyết phục.  *Văn bản điều hành*: Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lý các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân tập thể đối với cơ quan quản lý hoặc ngược lại bày tỏ yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền đối với người có trách nhiệm thực thi, hoặc thỏa thuận giữa công dân với nhau về lợi ích và nghĩa vụ.  **2. Sự khác nhau của các văn bản trên**  - Mỗi kiểu văn bản phù hợp với mục đích biểu đạt riêng, phù hợp với những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Vì thế, không thể thay thế các kiểu văn bản cho nhau.  - Kiểu văn bản hình thức cơ bản nhất của mọi biểu đạt.  - Thể loại tác phẩm văn học là sự thống nhất giữa một loại nội dung với một dạng hình thức văn bản và phương thức chiếm lĩnh đời sống.  🡪  Mỗi thể loại thường sử dụng một kiểu văn bản để làm cơ sở  - Trong văn bản cụ thể, các phương thức biểu đạt có thể kết hợp với nhau để tạo ra hiệu quả giao tiếp cao nhất. Tùy theo mục đích sử dụng mà các phương thức biểu đạt được kết hợp khác nhau.  - Ví dụ: Trong một câu chuyện, phương thức chủ yếu là tự sự. Tuy nhiên không thể sử dụng mỗi phương thức tự sự xuyên suốt câu chuyện vì như vậy rất nhàm chán. Bên cạnh tự sự, thường có phương thức miêu tả và biểu cảm để câu chuyện trở nên hấp dẫn, chân thực, và sinh động hơn.  Ví dụ: Lão Hạc (Nam Cao), Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)...  *+*Các thể loại văn học đã học: thơ, truyện dài, kí, tiểu thuyết chương hồi, truyện ngắn, ca dao, dân ca, câu đố, phóng sự ,...  + Mỗi thể loại riêng có một phương thức biểu đạt nhất định, phù hợp với đặc điểm.  Ví dụ:     - Truyện ngắn có phương thức biểu đạt chủ yếu là tự sự ( kể lại các sự việc)...     - Thơ có phương thức chủ yếu là biểu cảm.  + Trong các tác phầm như thơ, truyện, kịch có thể sử dụng yếu tố nghị luận. Yếu tố nghị luận là yếu tố phụ, làm cho đoạn văn, thơ thêm tính triết lí.  VD: Trong đoạn trích "Thúy Kiều báo ân báo oán", Nguyễn Du đã vận dụng phương thức nghị luận qua lời lập luận gỡ tội của Hoạn Thư: Là đàn bà nên ghen tuông là chuyện bình thường; HT cũng đối xử tốt với Kiều, khi Kiều trốn cũng không đuổi theo; HT và Kiều chung chồng> nạn nhân chế độ đa thê; HT lỡ gây đau khổ cho Kiều, giờ chỉ biết trông chờ vào sự khoan dung của nàng=>Lập luận chặt chẽ, logic, khiến Kiều không thể xử phạt.  \* Trong văn tự sự, yếu tố nghị luận là yếu tố phụ, mục đích sử dụng là làm cho đoạn văn thơ thêm sâu sắc. Yếu tố này được sử dụng khi người viết muốn người nghe suy nghĩ về một vấn đề nào đó, thường được diễn đạt bằng hình thức lập luận, làm câu chuyện tăng thêm phần triết lí.  + Các tác phẩm nghị luận vẫn cần các yêu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự. Trong đó, yếu tố nghị luận là yếu tổ chủ đạo, làm sáng tỏ và nổi bật nội dung cần nói đến. Còn các yếu tố trên chỉ có vai trò bổ trợ, giúp cho việc triển khai, thuyết phục luận điểm. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng và tìm tòi mở rộng

 - Chuẩn bị bài mới.